

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỰC TRẠNG THÔN NĂM 2026
(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 24/6/2026 của UBND xã)

TT	TÊN ĐVHC CẤP XÃ/ THÔN (TDP)	Tổng hợp các tiêu chí số liệu về thôn, tổ dân phố											GHI CHÚ
		Diện tích (km2)	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Thôn thuộc khu vực biên giới, hải đảo	Thôn nằm biệt lập trên cù lao, cồn trên sông	Thôn vùng sâu, vùng xa nằm biệt lập giao thông đi lại khó khăn; địa hình chia cắt	Thôn, TDP hình thành do việc di dân hoặc để bảo vệ đường biên giới, chủ quyền biển đảo	Thôn thuộc vùng dân tộc thiểu số	Thôn thuộc vùng miền núi (MN)	Thôn thuộc vùng DTTS & MN	Thôn đặc biệt khó khăn	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	XÃ BA DINH												
1	Thôn Ba Nhà		589	163	0	0		0	X	1	1	1	
2	Thôn Gò Khôn		601	162	0	0	Thôn vùng sâu, vùng xa nằm biệt lập giao thông đi lại khó khăn; địa hình chia cắt	0	X	1	1	1	
3	Thôn Nước Lô		540	151	0	0		0	X	1	1	0	
4	Thôn Kà La		1.040	288	0	0		0	X	1	1	1	
5	Thôn Gò Ghềm		767	220	0	0		0	X	1	1	1	
6	Thôn Đồng Dinh		681	194	0	0		0	X	1	1	1	
7	Thôn Gò Lê		386	114	0	0		0	X	0	0	0	
8	Thôn Kách Lang		982	246	0	0		0	X	1	1	1	
9	Thôn Nước Lang		754	210	0	0		0	X	0	1	1	
10	Thôn Làng Măng		953	263	0	0		0	X	1	1	1	

Ghi chú: - Từ cột 6, 7, 9, 11, 12, 13 (có thì ghi số 1; không có thì ghi số 0); Riêng cột số 8 thôn thuộc tiêu chí nào thì ghi cụ thể tiêu chí đó

- Các thôn chưa đảm bảo tiêu chuẩn sẽ dự kiến thực hiện sắp xếp, tổ chức lại nguyên trạng với thôn, TDP liền kề tổng hợp vào Phụ lục 2; các thôn TDP chưa đảm bảo về quy mô số hộ nhưng thuộc tiêu chí đặc thù theo 5 tiêu chí nêu tại văn bản của Sở Nội vụ thì tổng hợp vào Phụ lục 3.
- Các thôn đảm bảo tiêu chuẩn trước mắt giữ nguyên không sáp nhập (trừ các trường hợp phải nhập các thôn, TDP không đảm bảo tiêu chuẩn liền kề vào thôn, TDP đảm bảo tiêu chuẩn).

PHỤ LỤC 2

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC DỰ KIẾN SẮP XẾP, TỔ CHỨC LẠI THÔN CHƯA ĐẢM BẢO TIÊU CHUẨN NĂM 2026
(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 24/6/2026 của UBND xã)

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Dự kiến sắp xếp đối với các thôn dưới 200 hộ				
	Tên đơn vị hành chính	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Tên thôn (TDP)mới sau sáp nhập	Nhân khẩu (người)	Quy mô hộ gia đình (hộ)	Đơn vị thôn, TDP liền kề	
1	2	3	4	5	6	7	8	
1	Tổ chức lại thôn Ba Nhà trên cơ sở nhập thôn Ba Nhà và thôn Nước Lô							
	Thôn Ba Nhà	589	163	Thôn Ba Nhà	1129	314	Đơn vị thôn liền kề gồm: Cà La, Gò Khôn	
	Thôn Nước Lô	540	151					
2	Tổ chức lại thôn Đồng Dinh trên cơ sở nhập thôn Đồng Dinh và thôn Gò Lê							
	Thôn Đồng Dinh	681	194	Thôn Đồng Dinh	1067	308	Đơn vị thôn liền kề gồm: Cà La; Gò Ghềm, Nước Lang	
	Thôn Gò Lê	386	114					

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ BA DINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÁC THÔN DƯỚI TIÊU CHUẨN QUY ĐỊNH NHƯNG KHÔNG SẮP XẾP SÁP NHẬP
(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 24/6/2026 của UBND xã)

STT	Tên thôn, TDP	Dân số (người)	Số hộ gia đình/thôn (TDP) (hộ)	Lý do không sắp xếp, sáp nhập
1	2	3	4	5
1	Thôn Gò Khôn	601	162	Vị trí địa lý không thuận lợi do địa hình bị chia cắt phức tạp bởi đồi núi; địa bàn vùng sâu, vùng xa hoặc địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn. Toàn bộ người dân trong thôn tập trung vào một nơi cách trung tâm xã khoảng 12 km, đường đi rất khó khăn, qua nhiều đồi núi cao, suối. (Có Quyết định công nhận xã đảo và xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi)
2	Thôn Kà La	1.040	288	Có Quyết định công nhận xã đảo và xã An toàn khu trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Quyết định Phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi
3	Thôn Gò Ghềm	767	220	
4	Thôn Kách Lang	982	246	
5	Thôn Nước Lang	754	210	
6	Thôn Làng Măng	953	263	

Ghi chú: Tại cột 5 trường hợp thật sự không có tài liệu minh chứng địa phương phải giải trình hết sức cụ thể

DANH SÁCH TRÍCH NGANG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ VÀ
DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN (200 hộ) NHÂN SỰ HOẶC NGHỈ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ KHI SẮP XẾP THÔN, TỔ DÂN PHỐ

(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-UBND ngày 24/6/2026 của UBND xã)

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh		Chức danh KCT hiện nay	Chức vụ, chức danh kiêm nhiệm (ghi rõ nếu kiêm nhiệm KCT)	Đảng viên, chức vụ trong đảng	Dân tộc (ghi rõ dân tộc)	Tôn giáo (ghi rõ tôn giáo nếu có)	Trình độ Văn hóa			Trình độ chuyên môn (Ghi chuyên ngành trong ô tương ứng)				Trình độ lý luận chính trị. (Đánh (X) trong ô tương ứng)				Dự kiến phương án nhân sự sau sáp nhập thôn, TDP				Đánh giá sắp xếp thôn, TDP		Ghi chú
		Nam	Nữ						Tốt nghiệp tiểu học	Tốt nghiệp THCS	Tốt nghiệp PTTH	Chưa qua đào tạo	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học trở lên	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp, cử nhân	Tiếp tục bổ trí người hoạt KCT ở thôn, TDP	Dự kiến bổ trí các chức danh cụ thể khác ở thôn	Nghi thực hiện chế độ, chính sách theo quy định	Phương án khác (ghi rõ, nếu có)	Thôn/TDP thực hiện sắp xếp	Thôn/TDP không thực hiện sắp xếp	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
A	Xã Ba Đình	18	2	20	10	20	20	20	0	0	20	9	3	1	7	8	10	2	0	12	6	2				
1	Thôn Ba Nhà	2		2	1	2	2	2	0		2	1	1		0	1	1		0	0	1	1		X		
1.1	Phạm Văn Tiêu	1989		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng Ban	Đảng viên	Hrê	Không			X		Hành chính				X				Trưởng thôn Ba Nhà					
1.2	Phạm Văn Đức	1990		Trưởng thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X						Nghi chế độ 154				
2	Thôn Gò Khôn	2	0	2	1	2	2	2	0		2	1			1	1	0	1	0	2	0	0			X	
1.1	Phạm Văn Bảy	1988		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng Ban CTMT thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X				Quản lý Hành chính			X		Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn Gò Khôn						
1.2	Phạm Văn Ngũ	1989		Trưởng thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X				Trưởng thôn Gò Khôn						
3	Thôn Nước Lô	2	0	2	1	2	2	2	0	0	2	0	0	0	2	0	2	0	0	0	2	0		X		
1.1	Phạm Văn KRốt	1989		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng Ban CTMT thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X				Luật		X				Bí thư Chi bộ thôn Ba Nhà					
1.2	Phạm Văn Chóc	1978		Trưởng thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X				QL NN		X				Trưởng Ban CTMT thôn Ba Nhà					
4	Thôn Kà La	2	0	2	1	2	2	2	0	0	2	2	0	0	0	1	0	1	0	2	0	0			X	
1.1	Phạm Văn Anh	1981		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X	X						X		Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Kà La						
1.2	Phạm Văn Cam	1978		Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X				Trưởng Ban CTMT thôn Kà La						
5	Thôn Gò Ghềm	2	0	2	1	2	2	2	0	0	2	1	1	0	0	1	1	0	0	2	0	0			X	
1.1	Phạm Văn Đồng	1981		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X		Điện - Điện tử				X			Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Gò Ghềm						
1.2	Phạm Văn Tốt	1989		Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X				Trưởng Ban CTMT thôn Gò Ghềm						
6	Thôn Đồng Đình	2	0	2	1	2	2	2	0	0	2	1	0	0	1	1	1	0	0	0	1	1		X		
1.1	Phạm Văn Thu	1983		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X				Luật		X				Bí thư Chi bộ thôn Đồng Đình					

1.2	Phạm Văn Thịnh	1980		Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X					Nghi chế độ 154					
7	Thôn Gò Lê	2	0	2	1	2	2	2	0	0	2	0	1	0	1	0	2	0	0	0	2	0			X	
1.1	Đỗ Ngọc Luyện	1982		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Kinh	Không			X		QLNN về ANTT				X				Trưởng thôn Đồng Dinh					
1.2	Phạm Văn Đa	1984		Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Kinh	Không			X				Kinh tế		X				Trưởng Ban CTMT thôn Đồng Dinh					
8	Thôn Kách Lang	2	0	2	1	2	2	2	0	0	2	1	0	1	0	1	1	0	0	2	0	0			X	
1.1	Phạm Văn Sốt	1990		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X		Sư phạm				X				Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Kách Lang					
1.2	Phạm Văn Tin	1977		Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X					Trưởng Ban CTMT thôn Kách Lang					
9	Thôn Nước Láng	1	1	2	1	2	2	2	0	0	2	1	0	0	1	1	1	0	0	2	0	0			X	
1.1	Phạm Văn Vũ	1991		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X					Trưởng Ban CTMT thôn Nước Láng					
1.2	Phạm Thị Hằng		2000	Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X				Luat		X				Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Nước Láng					
10	Thôn Làng Măng	1	1	2	1	2	2	2	0	0	2	1	0	0	1	1	1	0	0	2	0	0			X	
1.1	Phạm Văn Chi	1986		Bí thư Chi bộ thôn	Trưởng thôn	Đảng viên	Hrê	Không			X	X				X					Bí thư Chi bộ kiêm Trưởng thôn Làng					
1.2	Phạm Thị Vang		1980	Trưởng Ban CTMT thôn		Đảng viên	Hrê	Không			X				QLNN		X				Trưởng Ban CTMT thôn Làng Măng					

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ SẮP XẾP, SẮP
(Kèm theo Đề án số 04/ĐA-UBND)

STT	Tên đơn vị	Số lượng thôn/TDP
1	Xã Ba Đình	10

Nội dung kiểm tra	Kết quả
Còn lại = Số lượng ban đầu - Số lượng giảm	8
Còn lại = Không sắp xếp + Hình thành mới	8
Tỷ lệ giảm đầu mối	20,00%
Tỷ lệ thôn/TDP dưới tiêu chuẩn	50,00%
Ghi chú	Xã Ba Đình không thuộc nhóm xã/phường có từ 15 thôn/TDP trở lên.

P NHẬP THÔN, TỔ DÂN PHỐ - XÃ BA DINH

ND ngày 24/6/2026 của UBND xã)

Tổng số thôn, TDP dưới tiêu chuẩn so với quy định (bao gồm yếu tố đặc thù)	Số lượng thôn/TDP điều chỉnh, sắp xếp, tổ chức lại	Số lượng thôn, TDP giảm	Tổng số thôn/TDP còn lại sau sắp xếp	Số thôn, TDP không sắp xếp
5	4	2	8	6

Số thôn, TDP hình thành mới sau thực hiện sắp xếp, tổ chức lại
2